

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính quy đổi kèm theo

4. TIỀN

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tiền mặt	4.229.866.140	3.699.417.258
Tiền gửi ngân hàng	937.543.488	647.004.438
Tiền đang chuyển	10.686.738	10.686.738
	<u>5.178.096.366</u>	<u>4.357.108.434</u>

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Phải thu khách chơi tại CLB Quốc tế Hoàng Gia (i)	26.539.334.670	51.261.711.420
Phải thu các hoạt động kinh doanh khác	6.684.480.258	4.192.239.474
	<u>33.223.814.928</u>	<u>55.453.950.894</u>

(i) Đây là các khoản nợ phải thu khách chơi tại câu lạc bộ, chính sách tín dụng đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia được trình bày tại Thuyết minh số 3.

6. HÀNG TỒN KHO

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	21.094.664.742	17.453.546.508
Hàng hóa	4.463.125.974	4.384.367.052
	<u>25.557.790.716</u>	<u>21.837.913.560</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.362.867.162)	(1.362.867.162)
Giá trị thuần có thể thực hiện được	<u>24.194.923.554</u>	<u>20.475.046.398</u>

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2014	423.033.461.430	101.320.962.978	18.891.072.114	2.219.505.882	10.183.356.522	555.648.358.926
Tăng do mua sắm	-	1.433.807.556	1.257.402.018	1.345.296.720	1.729.488.138	5.765.994.432
Tăng từ XDCB hoàn thành	509.759.357.232	121.484.628.000	-	8.858.838.390	22.078.035.852	662.180.859.474
Tăng khác	-	328.356.930	-	470.513.916	172.793.718	971.664.564
Thanh lý trong kỳ	4.168.847.628	240.313.506	898.918.260	49.885.608	-	5.357.965.002
Tại ngày 30/6/2014	<u>928.623.971.034</u>	<u>224.327.441.958</u>	<u>19.249.555.872</u>	<u>12.844.269.300</u>	<u>34.163.674.230</u>	<u>1.219.208.912.394</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2014	103.720.826.154	58.290.801.798	9.722.785.734	1.961.048.292	8.029.628.256	181.725.090.234
Khấu hao trong kỳ	11.071.078.140	9.927.958.356	820.796.718	963.867.282	1.665.410.202	24.449.110.698
Thanh lý trong kỳ	1.165.768.020	288.053.268	299.632.338	-	-	1.753.453.626
Tại ngày 30/6/2014	<u>113.626.136.274</u>	<u>67.930.706.886</u>	<u>10.243.950.114</u>	<u>2.924.915.574</u>	<u>9.695.038.458</u>	<u>204.420.747.306</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2014	<u>814.997.834.760</u>	<u>156.396.735.072</u>	<u>9.005.605.758</u>	<u>9.919.353.726</u>	<u>24.468.635.772</u>	<u>1.014.788.165.088</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>319.312.635.276</u>	<u>43.030.161.180</u>	<u>9.168.286.380</u>	<u>258.457.590</u>	<u>2.153.728.266</u>	<u>373.923.268.692</u>

Báo cáo tài chính quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày 30/6/2014 là 21.246 VND/USD.
 Báo cáo này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ (USD) đã được soát xét.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính quy đổi kèm theo

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, một số nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị tạm thời không sử dụng với giá trị còn lại là 4.330.317.228 VND (31 tháng 12 năm 2013: 7.406.844.258 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 14 và 17, Công ty đã thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 564.799.924.704 VND (31 tháng 12 năm 2013: 565.403.587.302 VND) để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Nguyên giá của phương tiện vận tải, máy móc thiết bị và thiết bị văn phòng đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 35.404.355.646 VND (31 tháng 12 năm 2013: 28.235.360.358 VND).

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2014	98.793.900.000	1.650.750.462	100.444.650.462
Tăng trong kỳ	-	250.001.682	250.001.682
Thanh lý trong kỳ	-	339.553.572	339.553.572
Tại ngày 30/6/2014	98.793.900.000	1.561.198.572	100.355.098.572
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2014	60.031.550.316	1.280.985.078	61.312.535.394
Khấu hao trong kỳ	2.620.991.544	109.990.542	2.730.982.086
Thanh lý trong kỳ	-	316.926.582	316.926.582
Tại ngày 30/6/2014	62.652.541.860	1.074.049.038	63.726.590.898
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2014	36.141.358.140	487.149.534	36.628.507.674
Tại ngày 31/12/2013	38.762.349.684	369.765.384	39.132.115.068

Như trình bày tại Thuyết minh số 14 và 17, Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân.

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND
Tại ngày 01/01	713.134.695.108	630.226.535.538
Tăng trong kỳ	14.904.833.856	24.296.097.006
Kết chuyển sang tài sản cố định	(662.180.859.474)	(4.340.111.634)
Giảm khác	(27.471.736.626)	-
Tại ngày 30 tháng 6	38.386.932.864	650.182.520.910

Chi tiết theo công trình như sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Khu văn phòng	877.905.966	204.492.750
Câu lạc bộ	3.801.759.240	2.513.720.490
Khách sạn Hoàng Gia Hạ Long (i)	14.474.538.618	688.050.987.636
Biệt thự	-	3.202.855.746
Khu công viên	19.232.729.040	19.162.638.486
	38.386.932.864	713.134.695.108

Báo cáo tài chính quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày 30/6/2014 là 21.246 VND/USD. Báo cáo này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ (USD) đã được soát xét.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính quy đổi kèm theo

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG (Tiếp theo)

(i) Như trình bày tại Thuyết minh số 17, Công ty đã thế chấp ngân hàng giá trị của công trình xây dựng dở dang này để bảo đảm cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân. Khách sạn Hoàng Gia Hạ Long chính thức được đưa vào hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Tổng VND
NGUYỄN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2014	47.694.677.988	47.694.677.988
Tăng từ XDCB hoàn thành	-	-
Tại ngày 30/6/2014	47.694.677.988	47.694.677.988
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2014	7.801.807.398	7.801.807.398
Khấu hao trong kỳ	680.636.856	680.636.856
Tại ngày 30/6/2014	8.482.444.254	8.482.444.254
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 30/6/2014	39.212.233.734	39.212.233.734
Tại ngày 31/12/2013	39.892.870.590	39.892.870.590

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này do chưa có nguồn thông tin tin cậy nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính.

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đầu tư dài hạn khác là giá trị khoản tiền góp vốn vào Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia, giá trị vốn góp là 8.910.806.106 VND tương ứng với 5% vốn điều lệ của công ty này. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, không có giá thị trường tin cậy để xem xét trích lập dự phòng giảm giá. Tuy nhiên, Ban Giám đốc điều hành tin tưởng rằng không có khoản giảm giá trị đáng kể nào ảnh hưởng tới khoản đầu tư này tại ngày 30 tháng 6 năm 2014.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND
Tại ngày 01/01	108.071.412.066	94.540.004.634
Tăng trong kỳ	26.974.410.258	4.324.113.396
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(55.579.663.476)	(2.366.167.020)
Tại ngày 30 tháng 6	79.466.158.848	96.497.951.010

13. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Dự phòng trợ cấp thôi việc VND	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2013	1.135.343.748	1.050.083.550	2.185.427.298
Ghi nhận trong năm	(44.871.552)	(619.002.210)	(663.873.762)
Tại ngày 31/12/2013	1.090.472.196	431.081.340	1.521.553.536
Ghi nhận trong kỳ	(38.880.180)	(232.048.812)	(270.928.992)
Tại ngày 30/6/2014	1.051.592.016	199.032.528	1.250.624.544

Báo cáo tài chính quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày 30/6/2014 là 21.246 VND/USD. Báo cáo này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ (USD) đã được soát xét.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính quy đổi kèm theo

14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (i)	39.413.539.584	40.086.357.912
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long (ii)	24.866.828.304	29.875.424.082
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh (iii)	19.836.327.900	20.147.029.404
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 17)	15.872.164.236	13.536.357.750
	<u>99.988.860.024</u>	<u>103.645.169.148</u>

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân bằng VND với hạn mức tín dụng của hợp đồng này là 40 tỷ đồng và đáo hạn vào ngày 31 tháng 8 năm 2014. Khoản vay này có lãi suất được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân cho từng thời kỳ. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay này cùng với khoản vay dài hạn tại Thuyết minh số 17 được thế chấp bằng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất của Công ty.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long bằng VND với hạn mức tín dụng của hợp đồng này là 25 tỷ đồng và đáo hạn vào ngày 27 tháng 3 năm 2015. Khoản vay này chịu lãi suất 10,5%/năm và được tự động điều chỉnh theo mức lãi suất của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long cho từng thời kỳ. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay này được thế chấp bằng hệ thống máy móc, thiết bị phân phối điện.

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh bằng VND với hạn mức tín dụng của hợp đồng là 20 tỷ đồng và đáo hạn vào ngày 14 tháng 5 năm 2015. Khoản vay này chịu lãi suất là 10,5% và được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh cho từng thời kỳ. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay này được thế chấp bằng toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc Công viên Hoàng Gia.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	16.130.770.548	10.356.851.358
Thuế tiêu thụ đặc biệt	17.000.326.836	14.992.728.558
Thuế thu nhập doanh nghiệp	668.462.898	675.325.356
Thuế khác	8.455.823.016	8.398.437.570
	<u>42.255.383.298</u>	<u>34.423.342.842</u>

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Chip trôi nổi	19.492.567.620	17.021.870.280
Công ty TNHH Xây dựng Diệu Đức Phước Thành	1.297.641.942	1.311.005.676
Công ty TNHH Dụ Thành	863.246.226	568.585.452
Công ty TNHH phát triển TM Diệu Anh	444.360.090	347.499.576
Bảo hiểm xã hội	2.288.385.414	2.310.693.714
Bảo hiểm y tế	898.812.030	587.111.964
Bảo hiểm thất nghiệp	377.541.420	256.184.268
Các khoản phải trả khác	3.654.864.396	3.678.659.916
	<u>29.317.419.138</u>	<u>26.081.610.846</u>

Báo cáo tài chính quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày 30/6/2014 là 21.246 VND/USD. Báo cáo này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ (USD) đã được soát xét.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính quy đổi kèm theo

17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	90.088.691.436	100.408.001.112
	<u>90.088.691.436</u>	<u>100.408.001.112</u>

Tại ngày 18 tháng 12 năm 2008, Công ty ký Hợp đồng vay dài hạn số 01/2008/Sheraton với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân để xây dựng đầu tư khách sạn Hoàng Gia Hạ Long và được gia hạn/sửa đổi vào ngày 08 tháng 01 năm 2013 tại văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 07/PL.Sheraton, tổng hạn mức cho vay là 170 tỷ đồng, trong đó số tiền vay bổ sung tăng thêm từ năm 2013 không quá 100 tỷ VND. Thời hạn cho vay là 96 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên với khoản cho vay bổ sung, thời gian ân hạn là 3 tháng, thời gian trả nợ là 93 tháng. Khoản vay bổ sung được trả trong 31 kỳ 3 tháng, kỳ trả nợ đầu tiên được ấn định sau khi hết thời gian ân hạn. Khoản vay chịu lãi suất được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân cho từng thời kỳ và được trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản hình thành từ vốn vay. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty đã rút vốn với tổng số tiền 170 tỷ đồng (31 tháng 12 năm 2013: 170 tỷ đồng).

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	15.872.164.236	13.536.357.750
Trong năm thứ hai	15.959.442.804	16.264.790.316
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	47.878.307.166	16.264.790.316
Sau năm năm	26.250.941.466	67.878.420.480
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày tại Thuyết minh số 14)	(15.872.164.236)	(13.536.357.750)
Số phải trả sau 12 tháng	<u>90.088.691.436</u>	<u>100.408.001.112</u>

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2013	898.915.498.020	106.807.232.574	13.795.580.196	46.397.737.164	1.065.916.047.954
Lỗi trong năm	-	-	-	(10.322.963.988)	(10.322.963.988)
Thù lao Ban Kiểm soát	-	-	-	(31.869.000)	(31.869.000)
Tại ngày 31/12/2013	898.915.498.020	106.807.232.574	13.795.580.196	36.042.904.176	1.055.561.214.966
Lỗi trong kỳ	-	-	-	(78.799.629.336)	(78.799.629.336)
Thù lao Ban Kiểm soát (i)	-	-	-	(31.869.000)	(31.869.000)
Tại ngày 30/6/2014	<u>898.915.498.020</u>	<u>106.807.232.574</u>	<u>13.795.580.196</u>	<u>(42.788.594.160)</u>	<u>976.729.716.630</u>

(i) Thù lao Ban Kiểm soát được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 số 166/NQ-ĐHCĐTN ngày 29 tháng 6 năm 2014.

Báo cáo tài chính quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày 30/6/2014 là 21.246 VND/USD. Báo cáo này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ (USD) đã được soát xét.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính quy đổi kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Số cổ phiếu đang lưu hành

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Cổ phiếu được duyệt	70.368.754	70.368.754
Cổ phiếu phổ thông	70.368.754	70.368.754
Cổ phiếu đang lưu hành	70.368.754	70.368.754
Cổ phiếu phổ thông	70.368.754	70.368.754

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 đồng/cổ phiếu.

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty lần lượt là 730.473.560.000 VND và 703.687.540.000 VND (31 tháng 12 năm 2013: 730.473.560.000 VND và 703.687.540.000 VND). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi		Vốn đã góp				
			30/6/2014		31/12/2013		
	'000 VND	USD	'000 VND quy đổi	Tỷ lệ	USD	'000 VND quy đổi	Tỷ lệ
Ông Nguyễn Chính Nghĩa	47.219.530	2.875.859	61.100.500	7%	2.875.859	61.100.500	7%
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	369.386.320	22.219.546	472.076.474	52%	22.219.546	472.076.474	52%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	93.454.360	5.629.463	119.603.572	13%	5.629.463	119.603.572	13%
Các nhà đầu tư khác	193.627.330	11.585.002	246.134.952	28%	11.585.002	246.134.952	28%
Cộng	703.687.540	42.309.870	898.915.498	100%	42.309.870	898.915.498	100%

19. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Công ty đã thực hiện phân cấp quản lý theo hạng mục kinh doanh. Cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 4 bộ phận với hoạt động chính như sau:

- Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia: Kinh doanh trò chơi có thưởng - đây là hoạt động mang tính chất thời vụ, không ổn định. Doanh thu phát sinh phụ thuộc vào số lượng các đoàn khách đến chơi và kết quả chơi của khách
- Khu Biệt thự Hoàng Gia: Cho thuê phòng
- Khu Công viên Hoàng Gia: Bán vé vào cổng và các dịch vụ vui chơi trong công viên
- Khách sạn Hoàng Gia Hạ Long: Cho thuê phòng và dịch vụ liên quan. Khách sạn Hoàng Gia Hạ Long chính thức được đưa vào hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014

Các thông tin về hoạt động kinh doanh theo bộ phận của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

	Câu lạc bộ	Biệt thự	Công viên	Khách sạn Hoàng Gia Hạ Long	Bù trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản						
Tài sản bộ phận	233.986.362.216	209.546.047.362	226.870.991.832	786.116.256.066	(374.613.742.446)	1.081.905.915.030
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	209.277.285.462
Tổng tài sản hợp nhất						1.291.183.200.492
Nợ phải trả						
Nợ phải trả bộ phận	83.145.498.636	34.793.490.654	33.159.800.730	527.749.896.390	(374.613.742.446)	304.234.943.964
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	10.218.539.898
Tổng nợ phải trả hợp nhất						314.453.483.862

Báo cáo tài chính quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày 30/6/2014 là 21.246 VND/USD. Báo cáo này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ (USD) đã được soát xét.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIAPhường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính quy đổi**
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính quy đổi kèm theo***19. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (Tiếp theo)****Kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**

	Câu lạc bộ	Biệt thự	Công viên	Khách sạn Hoàng Gia Hạ Long	Bù trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	21.496.044.174	20.857.176.954	25.865.687.748	35.300.887.626	-	103.519.796.502
Giá vốn bộ phận	(36.291.822.312)	(9.575.253.510)	(9.007.071.732)	(34.334.534.562)	-	(89.208.682.116)
(Lỗ)/Lợi nhuận gộp	(14.795.778.138)	11.281.923.444	16.858.616.016	966.353.064	-	14.311.114.386
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	-	(81.090.458.040)
(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh						(66.779.343.654)
Doanh thu hoạt động tài chính						3.893.074.548
(Lỗ) khác						(2.503.947.330)
Chi phí tài chính						(13.138.483.908)
Lỗ trước thuế						(78.528.700.344)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						(270.928.992)
Lỗ trong kỳ						(78.799.629.336)
%/Tổng lợi nhuận gộp	-104%	79%	118%	7%		100%

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Câu lạc bộ	Biệt thự	Công viên	Khách sạn Hoàng Gia Hạ Long	Bù trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản						
Tài sản bộ phận	274.636.015.326	204.568.831.926	207.536.027.040	832.208.900.670	(358.152.086.694)	1.160.797.688.268
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	212.981.036.904
Tổng tài sản hợp nhất						1.373.778.725.172
Nợ phải trả						
Nợ phải trả bộ phận	92.960.895.684	33.140.551.854	25.082.751.402	511.294.975.620	(358.152.086.694)	304.327.087.866
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	13.890.422.340
Tổng nợ phải trả hợp nhất						318.217.510.206

Kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

	Câu lạc bộ	Biệt thự	Công viên	Khách sạn Hoàng Gia Hạ Long	Bù trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	17.907.552.282	41.531.787.030	23.674.587.768	-	-	83.113.927.080
Giá vốn bộ phận	(34.073.378.730)	(14.880.188.496)	(6.955.196.790)	-	-	(55.908.764.016)
(Lỗ)/Lợi nhuận gộp	(16.165.826.448)	26.651.598.534	16.719.390.978	-	-	27.205.163.064
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	-	(26.399.790.942)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						805.372.122
Doanh thu hoạt động tài chính						3.964.801.044
(Lỗ) khác						(1.375.083.612)
Chi phí tài chính						(5.757.113.604)
Lợi nhuận trước thuế						(2.362.024.050)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						(442.617.918)
Lỗ trong kỳ						(2.804.641.968)
%/Tổng lợi nhuận gộp	-59%	98%	61%	0%		100%

Báo cáo tài chính quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày 30/6/2014 là 21.246 VND/USD.
Báo cáo này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ (USD) đã được soát xét.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính quy đổi kèm theo

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
	VND	VND
Chi phí thực phẩm và đồ uống	7.308.454.032	3.938.880.924
Chi phí nhân công	73.842.023.958	43.599.957.654
Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.357.259.992	14.391.679.218
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	52.791.402.174	20.378.037.162
	170.299.140.156	82.308.554.958

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.223.640	9.369.486
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.810.505.864	2.568.683.892
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	231.326.448	328.739.358
Doanh thu hoạt động tài chính khác	844.018.596	1.058.008.308
	3.893.074.548	3.964.801.044

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay	12.861.138.624	5.608.306.620
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	115.769.454
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	277.345.284	33.037.530
	13.138.483.908	5.757.113.604

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Chi phí quản lý doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2014 bao gồm giá trị phân bổ chi phí trước hoạt động của khách sạn Hoàng Gia Hạ Long do khách sạn đã chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

24. THU NHẬP KHÁC

	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
	VND	VND
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	2.896.679.640	496.115.346
Các khoản thu khác	1.155.314.988	1.001.791.392
Thu nhập khác	4.051.994.628	1.497.906.738

25. CHI PHÍ KHÁC

	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
	VND	VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	3.629.390.442	945.277.032
Các khoản chi khác	2.926.551.516	1.927.713.318
Chi phí khác	6.555.941.958	2.872.990.350

Báo cáo tài chính quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày 30/6/2014 là 21.246 VND/USD.
 Báo cáo này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ (USD) đã được soát xét.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính quy đổi kèm theo

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND
Lỗi kế toán trước thuế	(78.528.700.344)	(2.362.024.050)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng:		
- Chi phí không hợp lý cho mục đích tính thuế	1.553.401.290	1.360.317.642
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	(928.216.494)	(1.727.363.538)
Thu nhập chịu thuế	(77.903.515.548)	(2.729.069.946)
Thuế suất	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Thuế thu nhập hoãn lại	270.928.992	442.617.918

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% trên thu nhập chịu thuế.

27. (LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
Lỗi sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	(78.799.629.336)	(2.804.641.968)
Lỗi phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(78.799.629.336)	(2.804.641.968)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	70.368.754	70.368.754
(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND)	(1.120)	(40)

28. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết mua sắm xây dựng tài sản cố định

Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2014, tổng giá trị các hợp đồng xây dựng và lắp đặt, mua thiết bị cho Công ty đã ký nhưng chưa thực hiện có tổng giá trị là 21.849.046.464 VND (31 tháng 12 năm 2013: 27.661.760.850 VND).

Cam kết đầu tư

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 số 166/NQ-ĐHCĐTN ngày 29 tháng 6 năm 2014, phương án vay vốn ngân hàng thương mại để đầu tư cải tạo, nâng cấp khu biệt thự và xây dựng, cải tạo khu công viên ven biển đã được thông qua.

Cam kết trả tiền thuê đất

Theo Giấy phép đầu tư số 953 CPH/GP ngày 15 tháng 6 năm 2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp tiền thuê đất, bãi cát, mặt biển cho Nhà nước Việt Nam từ tháng thứ 8 của năm thứ 27 kể từ ngày cấp Giấy phép đầu tư lần đầu vào ngày 13 tháng 8 năm 1994. Giá tiền thuê được xác định theo thời giá tại thời điểm thực hiện thuê.

Báo cáo tài chính quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày 30/6/2014 là 21.246 VND/USD. Báo cáo này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ (USD) đã được soát xét.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính quy đổi kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 14 và 17, trừ đi tiền) và phần vốn của cổ đông (bao gồm vốn góp của các cổ đông, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Các khoản vay	190.077.551.460	204.053.170.260
Trừ: Tiền	5.178.096.366	4.357.108.434
Nợ thuần	184.899.455.094	199.696.061.826
Vốn chủ sở hữu	<u>976.729.716.630</u>	<u>1.055.561.214.966</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	19%	19%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

	Giá trị ghi sổ	
	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	5.178.096.366	4.357.108.434
Phải thu khách hàng và phải thu khác	32.628.395.778	53.966.327.220
Đầu tư dài hạn	<u>8.910.806.106</u>	<u>8.910.806.106</u>
Tổng cộng	<u>46.717.298.250</u>	<u>67.234.241.760</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	190.077.551.460	204.053.170.260
Phải trả người bán và phải trả khác	64.260.736.584	63.647.364.564
Chi phí phải trả	<u>582.289.122</u>	<u>742.930.128</u>
Tổng cộng	<u>254.920.577.166</u>	<u>268.443.464.952</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Báo cáo tài chính quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày 30/6/2014 là 21.246 VND/USD. Báo cáo này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ (USD) đã được soát xét.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính quy đổi kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất hay rủi ro về giá có thể cao hơn chi phí phát sinh từ rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất và giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	30/6/2014	31/12/2013	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Đồng Việt Nam (VND)	8.336.165.544	5.718.084.702	251.812.159.890	247.587.838.956

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Việt Nam.

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty được xác định trong trường hợp tỷ giá đồng Đô la Mỹ thay đổi 10% so với đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đồng Việt Nam so với đồng Đô la Mỹ giảm 10% thì lỗ trước thuế trong kỳ của Công ty sẽ giảm 24.347.597.310 VND (kỳ 6 tháng đầu năm 2013: lỗ trước thuế giảm 13.954.394.046 VND).

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

	Tăng/(giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến
		(lỗ)/lợi nhuận trước thuế
		VND
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014		
VND	+200	(3.801.546.780)
VND	-200	3.801.546.780
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013		
VND	+200	(2.759.154.282)
VND	-200	2.759.154.282

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng cơ bản. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Báo cáo tài chính quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày 30/6/2014 là 21.246 VND/USD. Báo cáo này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ (USD) đã được soát xét.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính quy đổi kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu khách chơi tại Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu khách chơi tại Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia như trình bày tại Thuyết minh số 3.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/6/2014	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền	5.178.096.366	-	5.178.096.366
Phải thu khách hàng và phải thu khác	32.628.395.778	-	32.628.395.778
Đầu tư dài hạn	-	8.910.806.106	8.910.806.106
Tổng cộng	37.806.492.144	8.910.806.106	46.717.298.250
30/6/2014	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	62.344.389.876	1.916.346.708	64.260.736.584
Chi phí phải trả	582.289.122	-	582.289.122
Các khoản vay	99.988.860.024	90.088.691.436	190.077.551.460
Tổng cộng	162.915.539.022	92.005.038.144	254.920.577.166
Chênh lệch thanh khoản thuần	(125.109.046.878)	(83.094.232.038)	(208.203.278.916)
31/12/2013	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền	4.357.108.434	-	4.357.108.434
Phải thu khách hàng và phải thu khác	53.966.327.220	-	53.966.327.220
Đầu tư dài hạn	-	8.910.806.106	8.910.806.106
Tổng cộng	58.323.435.654	8.910.806.106	67.234.241.760
31/12/2013	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	61.784.175.348	1.863.189.216	63.647.364.564
Chi phí phải trả	742.930.128	-	742.930.128
Các khoản vay	103.645.169.148	100.408.001.112	204.053.170.260
Tổng cộng	166.172.274.624	102.271.190.328	268.443.464.952
Chênh lệch thanh khoản thuần	(107.848.838.970)	(93.360.384.222)	(201.209.223.192)

Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Báo cáo tài chính quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày 30/6/2014 là 21.246 VND/USD. Báo cáo này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ (USD) đã được soát xét.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính quy đổi kèm theo

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</u>	<u>Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	Công ty mẹ		
Bà Nguyễn Tiểu Mai	Ủy viên Hội đồng Quản trị		
Ông Đỗ Trí Vỹ	Tổng Giám đốc		
Chi phí lãi vay phát sinh với Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp		-	200.838.438
Bán hàng cho Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp		44.977.782	42.789.444
Bán hàng cho bà Nguyễn Tiểu Mai		123.864.180	74.148.540

Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

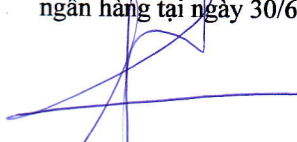
	<u>Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</u>	<u>Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu nhập của Ban Giám đốc	810.959.820	792.093.372

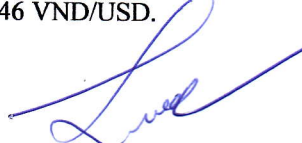
Số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản phải thu		
Bà Nguyễn Tiểu Mai	74.658.444	-
Các khoản phải trả		
Các khoản phải trả khác cho Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	297.359.016	342.336.798

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán được lập bằng Đô la Mỹ (USD) và quy đổi sang Đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày 30/6/2014 là 21.246 VND/USD; số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 đã được soát xét, được lập bằng Đô la Mỹ (USD) và quy đổi sang Đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày 30/6/2014 là 21.246 VND/USD.


Cao Thị Huyền
 Người lập biểu


Nguyễn Linh Chi
 Kế toán trưởng


Đỗ Trí Vỹ
 Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2014

Báo cáo tài chính quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày 30/6/2014 là 21.246 VND/USD.
 Báo cáo này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ (USD) đã được soát xét.